

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC
CHO NHÂN VIÊN Y TẾ TRƯỜNG HỌC**

HỌC PHẦN 8
CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT
ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)



CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

PGS.TS. Nguyễn Thanh Đề

Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TS. Nguyễn Nho Huy

Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

BAN BIÊN SOẠN CÁC TÀI LIỆU

1. NGND.PGS.TS. Nguyễn Võ Kỳ Anh

Nguyên Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Trưởng ban biên soạn các tài liệu.

2. TS.BS. Lê Văn Tuấn

Chuyên viên cao cấp Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Trưởng nhóm thư ký biên soạn các tài liệu.

BAN BIÊN SOẠN HỌC PHẦN 8

1. NGND.PGS.TS. Nguyễn Võ Kỳ Anh, Nguyên Vụ trưởng Vụ Giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Trưởng ban).

2. PGS.TS. Nguyễn Thúy Quỳnh, Trưởng Bộ môn Sức khỏe an toàn nghề nghiệp, Trường Đại học Y tế Công cộng (Thành viên).

3. TS. Trần Thị Thu Thủy, Giảng viên Bộ môn Sức khỏe an toàn nghề nghiệp, Trường Đại học Y tế Công cộng (Thành viên, Thư ký).

4. TS. Bùi Hữu Toàn, Chuyên viên chính, Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế, (Thành viên).

LỜI NÓI ĐẦU

Công tác Quản lý sức khỏe học sinh có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe học sinh trong thời gian các em ở trường. Các yếu tố thuộc về trường học tác động trực tiếp tới cơ thể đang phát triển của các em, nếu không được kiểm soát tốt sẽ trở thành nguy cơ phát sinh bệnh tật, ảnh hưởng xấu tới sức khỏe và thành tích học tập của học sinh.

Tài liệu Công tác Quản lý sức khỏe (QLSK) học sinh là một trong 8 tài liệu thuộc Chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nhân viên y tế trường học (NVYTTH) do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn. Mục tiêu của tài liệu này nhằm giới thiệu các nội dung cơ bản về QLSK học sinh, các phương pháp và hoạt động liên quan đến QLSK học sinh. Trên cơ sở đó, các trường xây dựng các kế hoạch QLSK và YTTH cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của trường mình.

Tài liệu này gồm 3 phần: 1) Quản lý sức khỏe học sinh tại trường học; 2) Quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh và 3) Lập kế hoạch y tế trường học.

Tài liệu này có thể sử dụng làm tài liệu giảng dạy, tham khảo cho các NVYTTH chuyên trách, nhân viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học, sinh viên khối ngành sức khỏe, và các đối tượng khác liên quan giúp họ có đầy đủ kiến thức về công tác QLSK học sinh và áp dụng vào thực tế công tác YTTH tại đơn vị mình.

Chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cho NVYTTH được xây dựng bởi các chuyên gia về YTTH với sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, và kinh nghiệm triển khai các dự án liên quan đến y tế học đường trong thực tế của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Save the Children) tại Việt Nam.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng đón nhận các ý kiến đóng góp của bạn đọc để tài liệu hướng dẫn ngày càng hoàn thiện. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về địa chỉ: Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục thể chất), 35 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BHYT	Bảo hiểm y tế
BKHCN	Bộ Khoa học và Công nghệ
BYT	Bộ Y tế
CSSKHS	Chăm sóc sức khỏe học sinh
GDTC	Giáo dục thể chất
NVYTTH	Nhân viên y tế trường học
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QLSK	Quản lý sức khỏe
SKHĐ	Sức khỏe học đường
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TDTT	Thể dục thể thao
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
YTTH	Y tế trường học

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	4
BÀI 1: QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH TRONG TRƯỜNG HỌC	7
1. Khái niệm, vai trò và tầm quan trọng của công tác quản lý sức khỏe học sinh trong trường học	7
2. Nội dung và giải pháp quản lý sức khỏe học sinh trong trường học	11
3. Một số văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý sức khỏe học sinh trong trường học	16
BÀI 2: QUẢN LÝ HỒ SƠ SỨC KHỎE HỌC SINH	19
1. Mục đích của công tác quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh	19
2. Nội dung hồ sơ quản lý sức khỏe, khám định kỳ và tư vấn dinh dưỡng cho học sinh	21
3. Tổ chức thực hiện	23
BÀI 3: LẬP KẾ HOẠCH Y TẾ TRƯỜNG HỌC	27
1. Công tác tổ chức và lập kế hoạch	27
2. Các nội dung cơ bản cần xem xét để lập kế hoạch y tế trường học	29
3. Phương pháp lập kế hoạch y tế trường học	36
TÀI LIỆU THAM KHẢO	40

PHỤ LỤC	43
Phụ lục 1: Sổ theo dõi sức khỏe học sinh tại cơ sở giáo dục mầm non	43
Phụ lục 2: Sổ theo dõi sức khỏe học sinh tiểu học	54
Phụ lục 3: Sổ theo dõi sức khỏe học sinh trung học cơ sở	62
Phụ lục 4: Sổ theo dõi sức khỏe học sinh trung học phổ thông	70
Phụ lục 5: Sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh	78
Phụ lục 6: Sổ theo dõi tai nạn thương tích	87
Phụ lục 7: Mẫu kế hoạch y tế trường học	88

BÀI
1QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH
TRONG TRƯỜNG HỌC**Mục tiêu bài học:**

Sau khi kết thúc bài học, người học có khả năng:

1. Nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của công tác quản lý sức khỏe học sinh tại trường học.
2. Trình bày được các phương pháp quản lý sức khỏe học sinh tại trường học.
3. Áp dụng các nội dung quản lý sức khỏe học sinh trong quá trình lập kế hoạch y tế trường học theo quy định hiện hành.

1

KHÁI NIỆM, VAI TRÒ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC
QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH TRONG TRƯỜNG HỌC**1.1. Một số khái niệm**

Sức khỏe: Tổ chức Y tế Thế giới đã định nghĩa “sức khỏe là trạng thái thoải mái toàn diện về thể chất, tinh thần và xã hội và không phải chỉ bao gồm tình trạng không có bệnh hay thương tật.”

Hệ thống giáo dục của Việt Nam bao gồm nhiều cấp, bắt đầu từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cao đẳng đại học và sau đại học.

- Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi. Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân

cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.

- Giáo dục tiểu học được thực hiện trong 05 năm học, từ lớp một đến hết lớp năm. Tuổi của học sinh vào học lớp một là 06 tuổi và được tính theo năm;
- Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong 04 năm học, từ lớp sáu đến hết lớp chín. Học sinh vào học lớp sáu phải hoàn thành chương trình tiểu học. Tuổi của học sinh vào học lớp sáu là 11 tuổi và được tính theo năm;
- Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong 03 năm học, từ lớp mười đến hết lớp mười hai. Học sinh vào học lớp mười phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở. Tuổi của học sinh vào học lớp mười là 15 tuổi và được tính theo năm.

Các quy định hiện hành về quản lý sức khỏe học sinh nói riêng và y tế trường học nói chung tập trung chủ yếu vào các cơ sở giáo dục từ mầm non đến giáo dục phổ thông.

Quản lý: Không có một định nghĩa duy nhất cho thuật ngữ quản lý. Tùy từng tình huống cụ thể mà có các định nghĩa về quản lý khác nhau. Xét một cách chung nhất, quản lý là sự kết hợp những nỗ lực, sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả, động viên con người, tạo ra bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra một tổ chức hoặc một hệ thống nhằm đạt tới một loạt các mục tiêu: Nguồn lực chính để thực hiện các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe hay giải quyết mọi công việc khác là nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và kể cả thời gian. Tuy nhiên nguồn lực không phải là vô tận, nên việc sử dụng các nguồn lực đòi hỏi phải như thế nào để có hiệu quả nhất, nghĩa là với chi phí về nguồn lực nhỏ nhất mà vẫn đạt được mục tiêu đề ra.

Quản lý sức khỏe: Quản lý sức khỏe là các biện pháp cung cấp hướng dẫn và chỉ đạo để quản lý sức khỏe ở cấp độ cá nhân, tổ chức và hệ thống. Quản lý sức khỏe bao gồm một tầm nhìn toàn diện về sức khỏe, trong đó sức khỏe bị ảnh hưởng bởi các yếu tố quyết định hành vi, xã hội và môi trường. Quản lý sức khỏe bao gồm và vượt ra ngoài quản lý chăm sóc sức khỏe, bao gồm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng tuyến đầu, tuyến giữa và tuyến cuối.

Do đó, quản lý sức khỏe là một phương pháp bao gồm quản lý chăm sóc sức khỏe nhưng có cách tiếp cận rộng hơn. Quản lý sức khỏe được thực

hiện từ cấp độ cá nhân đến cấp độ cộng đồng. Trên thực tế, ở cấp độ cá nhân, mọi người có thể quản lý sức khỏe của mình bằng cách theo dõi các dấu hiệu sinh tồn và thực hiện các phương pháp điều trị theo chỉ định và đóng vai trò là người đưa ra quyết định trong các lựa chọn lối sống. Ngoài ra, những cá nhân có nguy cơ cao mắc một căn bệnh nhất định có thể giảm nguy cơ mắc bệnh bằng cách áp dụng các biện pháp phòng bệnh. Trong lĩnh vực điều trị, người bệnh có thể tự quản lý sức khỏe và chăm sóc bản thân để đạt được kết quả sức khỏe mong muốn.

Ngoài những yếu tố cá nhân, sức khỏe còn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác theo bối cảnh, điều kiện xã hội và môi trường. Ý nghĩa chính xác của quản lý sức khỏe thay đổi tùy theo quan điểm được thực hiện. Mặc dù các thuật ngữ quản lý sức khỏe và quản lý chăm sóc sức khỏe thường được sử dụng thay thế cho nhau, nhưng phạm vi của quản lý sức khỏe lớn hơn và bao gồm tầm nhìn toàn diện hơn về sức khỏe.

Quản lý sức khỏe học sinh tại trường học: Như vậy, quản lý sức khỏe học sinh tại trường học bao gồm hệ thống các giải pháp để quản lý sức khỏe của học sinh khi học tập và sinh hoạt tại trường học, kiểm soát và quản lý các yếu tố ảnh hưởng/ điều kiện phát sinh tại trường học có thể tác động đến sức khỏe học sinh.

1.2. Vai trò và tầm quan trọng của công tác quản lý sức khỏe học sinh trong trường học

Lứa tuổi học sinh chiếm gần 1/3 cơ cấu dân số của mỗi quốc gia, đây cũng là giai đoạn phát triển quan trọng, quyết định chất lượng toàn diện của lực lượng lao động tương lai cho xã hội. Lứa tuổi này, các em đang trong giai đoạn phát triển và lớn nhanh về mọi mặt, cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ. Bên cạnh tri thức, sự phát triển tốt về cả thể chất và tinh thần trong gần 20 năm đầu đời rất cần được quan tâm. “Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai”, thông điệp của Tổ chức Y tế thế giới gửi đến tất cả các quốc gia, nhấn mạnh sự cần thiết phải chăm sóc, bảo vệ và tạo điều kiện tối ưu cho trẻ phát triển.

Mặt khác, trẻ dành trung bình 1/3 thời gian trong ngày tại trường học. Trẻ có thể gặp phải nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe vì trường học là nơi tập trung trẻ với số lượng lớn (35 - 50 em trong một lớp học), trong một thời gian dài trong ngày (từ 5-8 tiếng) và trong năm (từ 9 - 10 tháng). Do

đó, nếu không được theo dõi kiểm tra, quản lý sức khỏe thường xuyên và quản lý các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe tại trường học, học sinh có nguy cơ cao mắc nhiều bệnh tật, tai nạn thương tích, có thể để lại nhiều di chứng đi suốt cuộc đời của trẻ.

Ngoài ra cùng với sự phát triển tâm sinh lý lứa tuổi, trẻ trong độ tuổi đi học thường gặp một số vấn đề sức khỏe như bệnh, tật học đường mà tiêu biểu là cong vẹo cột sống và tật khúc xạ; các bệnh liên quan đến rối loạn chuyển hóa dinh dưỡng như suy dinh dưỡng, thừa cân/béo phì; rối nhiễu tâm lý và một số bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm,... Các vấn đề bất lợi, bệnh tật trên không chỉ gây ảnh hưởng tới tình trạng sức khỏe về thể chất mà còn gây ảnh hưởng tới khả năng học tập và tham gia các hoạt động giáo dục khác của học sinh. Quản lý sức khỏe học sinh tại trường học là nhiệm vụ quan trọng cần được thực hiện theo đúng quy định pháp luật để đảm bảo kịp thời phát hiện, xử lý các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe, dự phòng, chẩn đoán và điều trị sớm các vấn đề sức khỏe tại trường học của học sinh.

2

NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH TRONG TRƯỜNG HỌC

Theo Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường (SKHD) giai đoạn 2021-2025, quản lý sức khỏe học sinh là một trong 5 nội dung chủ yếu của chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 và cũng là một trong những nội dung chính của công tác y tế trường học được qui định tại Điều 9 của Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định công tác y tế trường học. Các nội dung và phương pháp thực hiện quản lý sức khỏe học sinh tại trường học được trình bày cụ thể trong các phần tiếp theo.

2.1. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, và đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý, hợp vệ sinh và phù hợp với sự phát triển của học sinh

Với khái niệm về quản lý sức khỏe học sinh tại trường học nêu trên, công tác quản lý sức khỏe học sinh cần theo dõi sự phát triển của trẻ, đặc biệt ở những cấp học mầm non và tiểu học, là lứa tuổi trẻ có nguy cơ cao mắc phải các vấn đề sức khỏe liên quan đến tình trạng dinh dưỡng như suy dinh dưỡng, thiếu/ thừa vi chất hoặc béo phì. Ngoài ra việc theo dõi tình trạng dinh dưỡng cần được thực hiện tại mọi lứa tuổi, để đảm bảo kịp thời phát hiện các vấn đề dinh dưỡng có thể ảnh hưởng đến sự khỏe, sự phát triển và học tập của trẻ, từ đó có những tư vấn, trao đổi và phối hợp hiệu quả hơn giữa gia đình và nhà trường trong việc cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ.

Thông tin về nhu cầu dinh dưỡng, phương pháp đánh giá dinh dưỡng và các biện pháp phòng chống bệnh liên quan đến tình trạng dinh dưỡng được trình bày chi tiết trong học phần 3 Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Về khía cạnh quản lý, NVYTTH cần đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng các biện pháp sau:

- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe học sinh tối thiểu 1 lần/

năm vào thời điểm đầu năm học. Học sinh cuối cấp sẽ được đánh giá tình trạng sức khỏe và dinh dưỡng vào cuối cấp học để chuẩn bị cho cấp tiếp theo. Tần suất đánh giá tình trạng dinh dưỡng thay đổi theo lứa tuổi.

- Các thông số liên quan đến tình trạng dinh dưỡng bao gồm chiều cao, cân nặng (đối với trẻ dưới 36 tháng tuổi); và chiều cao, cân nặng, huyết áp, nhịp tim, thị lực (đối với học sinh từ 36 tháng tuổi trở lên).
- Việc đo chiều cao, cân nặng, ghi biểu đồ tăng trưởng, theo dõi sự phát triển thể lực cho trẻ dưới 24 tháng tuổi được thực hiện mỗi tháng một lần và cho trẻ em từ 24 tháng tuổi đến 6 tuổi mỗi quý một lần; theo dõi chỉ số khối cơ thể (BMI) ít nhất 02 lần/năm học để tư vấn về dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực đối với học sinh phổ thông. Các nội dung này có trong các biểu mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh cho mỗi lứa tuổi, được trình bày trong bài 2 của tài liệu này.
- Đối với các cơ sở giáo dục tổ chức bữa ăn cho trẻ, cần đảm bảo giúp trẻ duy trì tình trạng dinh dưỡng bằng cách xây dựng thực đơn hợp lý với nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo lứa tuổi (trình bày trong Học phần 3). Bên cạnh đó, bữa ăn cung cấp cho trẻ (có thể từ bếp ăn tập thể của trường hoặc một đơn vị hợp đồng cung cấp bữa ăn) cần đảm bảo dinh dưỡng và tuân thủ các quy định an toàn thực phẩm (ATTP) hiện hành (quy định chi tiết trong Học phần 3). Ngoài vấn đề dinh dưỡng, NVYTTH tại các trường có học sinh nội trú, bán trú, tổ chức bữa ăn tại trường còn cần phải chú ý đến khía cạnh an toàn, hạn chế tối đa các nguy cơ sức khỏe do mất ATTP bằng cách:
 - Hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, đa dạng thực phẩm, phù hợp với đối tượng và lứa tuổi.
 - Đảm bảo các quy định ATTP trong chế biến, phân phối, bảo quản, sử dụng, thực hiện các quy định về lưu mẫu thực phẩm và kiểm thực 3 bước.

2.2. Theo dõi và đánh giá tình hình sức khỏe của học sinh, phát hiện sớm các bệnh, tật học đường

Bên cạnh tình trạng dinh dưỡng, trẻ nhỏ gặp phải nhiều vấn đề sức khỏe đặc thù theo lứa tuổi, một phần do đặc điểm phát triển tâm lý sinh lý của trẻ (được trình bày chi tiết trong học phần 1), một phần do các yếu

tổ khách quan đến từ môi trường gia đình, cộng đồng và trường học. Học phần 4, 5, 6 giới thiệu chi tiết về các vấn đề sức khỏe thường gặp ở học sinh (bệnh/tật học đường, bệnh truyền nhiễm, các vấn đề về sức khỏe tâm thần, tai nạn thương tích,...) và các biện pháp quản lý cho từng vấn đề sức khỏe. NVYTTH cần tổng hợp và vận dụng kiến thức, thông tin từ tất cả các vấn đề đơn lẻ để có thể quản lý toàn diện sức khỏe học sinh tại trường học, đặc biệt là các vấn đề bệnh, tật do hoạt động học tập, điều kiện học tập gây ra bằng các cách sau đây:

- Thường xuyên theo dõi sức khỏe học sinh, phát hiện giảm thị lực, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn sức khỏe tâm thần và các bệnh tật khác để xử trí, chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định và áp dụng chế độ học tập, rèn luyện phù hợp với tình trạng sức khỏe.
- Lập và ghi chép vào sổ khám bệnh, sổ theo dõi sức khỏe học sinh, sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh.
- Thông báo định kỳ tối thiểu 01 lần/năm học và khi cần thiết về tình hình sức khỏe của học sinh cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh. Nhân viên y tế trường học đánh giá tình trạng sức khỏe học sinh vào cuối mỗi cấp học để làm căn cứ theo dõi sức khỏe ở cấp học tiếp theo.

Nội dung kiểm tra cụ thể cho từng đối tượng và các biểu mẫu hồ sơ sức khỏe liên quan được trình bày trong bài 2 của tài liệu này.

2.3. Phối hợp với ngành Y tế thực hiện khám sàng lọc, phát hiện và điều trị bệnh thông thường, sơ cấp cứu và chuyển viện khi cần thiết

Sự phối hợp với cơ sở y tế địa phương, đặc biệt là các trạm y tế xã/phường đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ NVYTTH hoàn thành nhiệm vụ quản lý sức khỏe học sinh. Trong một số trường hợp điều kiện cơ sở vật chất hay năng lực của NVYTTH không đảm bảo để có thể xử lý, điều trị cho học sinh, trẻ cần được đưa đến CSYT gần nhất để kịp thời xử lý. Ngoài ra, các cơ sở y tế mới có thẩm quyền và chức năng thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám và điều trị bệnh chuyên khoa cho trẻ, và cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu như tiêm chủng, vắc xin, uống bổ sung vitamin A. Nội dung phối hợp giữa NVYTTH và cơ sở y tế được trình bày cụ thể hơn trong bài 2 và bài 3 của học phần này. Tuy nhiên NVYTTH cần đảm bảo thực hiện được các nội dung sau:

- Phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện để tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa cho học sinh.
- Sơ cứu, cấp cứu theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.
- Phối hợp với cơ sở y tế địa phương trong việc tổ chức các chiến dịch tiêm chủng, uống vắc xin phòng bệnh cho học sinh.

2.4. Tư vấn về bệnh tật và sự phát triển của trẻ

Để công tác quản lý sức khỏe học sinh tại trường học đạt hiệu quả, NVYTTH cần tư vấn cho học sinh, giáo viên, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh về các vấn đề liên quan đến bệnh tật, phát triển thể chất và tinh thần của học sinh; hướng dẫn cho học sinh biết tự chăm sóc sức khỏe. Nhiệm vụ chăm sóc bảo vệ và quản lý sức khỏe học sinh cần có sự tham gia và phối hợp chặt chẽ của chính học sinh, gia đình và nhà trường. Trong trường hợp đặc biệt với học sinh khuyết tật, NVYTTH cũng có thể tham gia tư vấn và hỗ trợ cho học sinh khuyết tật hòa nhập. Các nội dung cụ thể về truyền thông giáo dục sức khỏe được trình bày trong học phần 7.

Việc tư vấn này có thể được lồng ghép trong các hoạt động hội họp giao ban của nhà trường, các tiết sinh hoạt/ hoạt động ngoài giờ của học sinh hoặc tổ chức dưới dạng bác buổi sinh hoạt chuyên đề về từng chủ đề cụ thể. Thông tin về sức khỏe và sự phát triển của trẻ cũng được ghi chép và lưu giữ trong các hồ sơ sức khỏe, có chia sẻ cho cha mẹ học sinh để cùng theo dõi, nắm bắt được tình trạng sức khỏe của trẻ cũng như phối hợp quản lý sức khỏe học sinh tại gia đình.

2.5. Phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích và các vấn đề tệ nạn xã hội và nâng cao sức khỏe cho học sinh tại trường học

Bên cạnh nhiệm vụ theo dõi, khám sàng lọc và điều trị các vấn đề sức khỏe cho học sinh, việc dự phòng nguy cơ cũng đóng vai trò quan trọng. Trường học, điều kiện học tập có thể chứa đựng những yếu tố nguy cơ, yếu tố gây mất an toàn cho trẻ. NVYTTH có thể triển khai các hoạt động dự phòng nâng cao sức khỏe bằng các cách sau:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các điều kiện học tập, vệ sinh trường lớp, an toàn thực phẩm, cung cấp nước uống, xà phòng rửa tay. Chủ động triển khai các biện pháp và chế độ vệ sinh phòng, chống dịch theo hướng dẫn cập nhật của Bộ Y tế.

- Tổ chức triển khai các chương trình y tế, phong trào vệ sinh phòng bệnh, tăng cường hoạt động thể lực, dinh dưỡng hợp lý, xây dựng môi trường không khói thuốc lá, không sử dụng đồ uống có cồn và các chất gây nghiện.

Từ Học phần 2 đến Học phần 7 có trình bày về các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe học sinh cần phải được kiểm tra giám sát, theo dõi và đánh giá. Đặc biệt Học phần 2 về vệ sinh trường học tập trung vào các yêu cầu liên quan đến cơ sở vật chất, điều kiện vệ sinh phòng chống các bệnh, tật học đường của trẻ.

Nhiều biện pháp có thể thực hiện để hỗ trợ công tác quản lý sức khỏe học sinh tại trường học, bao gồm những hoạt động được thực hiện trong khuôn viên cơ sở giáo dục và cả những hoạt động có thể có hiệu quả bên ngoài trường học, ví dụ như việc thông báo hay phối hợp với cha mẹ học sinh để quản lý sức khỏe của trẻ. Tuy nhiên để có thể triển khai bài bản các hoạt động này và đạt kết quả cao, chấp hành các quy định hiện hành về YTTH, việc lập, triển khai và kiểm tra giám sát kế hoạch YTTH là rất cần thiết. Nội dung lập kế hoạch YTTH này được trình bày chi tiết trong bài 3 của tài liệu này.

3

MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH TRONG TRƯỜNG HỌC

Danh mục văn bản pháp quy đầy đủ liên quan đến y tế trường học được trình bày trong Học phần 1 Tổng quan về y tế trường học và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh. Ngoài ra trong từng học phần/ nội dung cụ thể cũng sẽ trích dẫn các văn bản pháp quy liên quan. Đối với công tác quản lý sức khỏe học sinh trong các cơ sở giáo dục, hai văn bản hướng dẫn về y tế trường học/ sức khỏe trường học toàn diện và đầy đủ là Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 2/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 – 2025 và Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016, quy định về công tác y tế trường học, trong đó có nội dung về công tác quản lý sức khỏe học sinh, quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh, lập kế hoạch YTTH và các biểu mẫu liên quan. Sau đây là một số văn bản pháp quy cụ thể về quản lý sức khỏe học sinh trong trường học:

- *Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT* ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non.
- *Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT* ngày 26/10/2021 hướng dẫn nội dung, biện pháp, kiểm tra, đánh giá xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- *Quyết định số 4501/QĐ-BGD-ĐT* ngày 29/11/2021 của Bộ giáo dục và đào tạo Ban hành chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, học sinh giai đoạn 2021-2025.
- *Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT* ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT* ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trường phổ thông.
- *Thông tư số 23/2017/TT-BYT* ngày 15/5/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em, tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng.

BÀI 2

QUẢN LÝ HỒ SƠ SỨC KHỎE HỌC SINH



Mục tiêu bài học:

Sau khi kết thúc bài học, người học có khả năng:

1. Trình bày được các khái niệm và tầm quan trọng của công tác quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh tại trường học.
2. Xây dựng hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh phù hợp với quy định hiện hành.
3. Phân tích vai trò của các bên liên quan trong công tác quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh.

1

MỤC ĐÍCH CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỒ SƠ SỨC KHỎE HỌC SINH

1.1. Khái niệm

Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh là một thành phần trong hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân bao gồm các thông tin về sức khỏe của học sinh được tạo lập ban đầu và cập nhật thường xuyên khi học sinh đi khám bệnh, chữa bệnh, kiểm tra/khám sức khỏe định kỳ/khám chuyên khoa để phục vụ cho việc quản lý, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của học sinh phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

1.2. Mục đích

- Tất cả học sinh đều được quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe ban đầu: được tư vấn sức khỏe, được điều trị hoặc chuyển tuyến điều trị phù hợp khi có bệnh.

- Phát huy tối đa hiệu quả của hệ thống y tế trường học cũng như hệ thống y tế cơ sở hiện có góp phần giảm tải cho các cơ sở y tế.
- Trên cơ sở xác định rõ tiền sử bệnh tật gia đình, cá nhân học sinh hoặc yếu tố nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe, việc lập hồ sơ quản lý sức khỏe sẽ sử dụng các thông tin sẵn có và thông qua kiểm tra/khám sức khỏe định kỳ/khám chuyên khoa cho học sinh để xác định những thông tin cơ bản về tình trạng sức khỏe, bệnh tật trong hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh, từ đó học sinh sẽ được tư vấn, theo dõi, chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh và định hướng chuyển tuyến cho học sinh khi có bệnh và quản lý các bệnh mạn tính như tim mạch, huyết áp, hô hấp, bệnh tật học đường, đảm bảo học sinh được chăm sóc sức khỏe ngay từ ban đầu thực sự chứ không phải có bệnh mới đi khám.

2

NỘI DUNG HỒ SƠ QUẢN LÝ SỨC KHỎE, KHÁM ĐỊNH KỲ VÀ TƯ VẤN DINH DƯỠNG CHO HỌC SINH

2.1. Hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh

Hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh bao gồm:

- Sổ theo dõi sức khỏe học sinh cơ sở giáo dục mầm non (Phụ lục 1)
- Sổ theo dõi sức khỏe học sinh dành cho học sinh Tiểu học (Phụ lục 2)
- Sổ theo dõi sức khỏe học sinh dành cho học sinh trung học cơ sở (Phụ lục 3)
- Sổ theo dõi sức khỏe học sinh dành cho học sinh trung học phổ thông (Phụ lục 4)
- Sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh (Phụ lục 5)
- Sổ theo dõi tai nạn thương tích học sinh (Phụ lục 6)

Việc lập hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh bảo đảm mỗi học sinh có 1 hồ sơ sức khỏe duy nhất và thống nhất lưu trữ trong hệ thống giáo dục xuyên suốt từ cơ sở giáo dục mầm non đến hết phổ thông trung học cũng như lưu trữ trong hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử trong toàn quốc. Khi có hồ sơ quản lý sức khỏe, mỗi học sinh khi cần khám chữa bệnh có thể dịch chuyển thông suốt trong hệ thống y tế, các thông tin về sức khỏe học sinh được cung cấp cho thầy thuốc nhanh chóng, chính xác, tạo thuận lợi cho việc chẩn đoán và điều trị người bệnh, giúp học sinh được chăm sóc sức khỏe toàn diện, liên tục và phối hợp, phát hiện bệnh sớm, điều trị kịp thời khi bệnh còn ở giai đoạn sớm, hiệu quả điều trị cao, giảm bớt chi phí. Việc có hồ sơ quản lý sức khỏe giúp các bác sĩ phát hiện sớm và giải quyết sớm ngay tại tuyến khám - chữa bệnh ban đầu đối với bệnh thông thường, hạn chế biến chứng và diễn biến bệnh tật nặng, giúp giảm quá tải bệnh viện, giảm áp lực đối với ngành y tế. Đối với quỹ BHYT, việc chẩn đoán, điều trị bệnh sớm sẽ đơn giản hơn, hạn chế bớt việc sử dụng kỹ thuật cao, do vậy giảm bớt chi phí BHYT.

- Hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh phải được lập vào đầu mỗi cấp học bao gồm các thông tin chung về nhân thân và một số thông tin tiền sử sức khỏe, bệnh tật phù hợp từng cấp học.
- Cập nhật tình trạng sức khỏe học sinh hàng năm sau khi kiểm tra sức khỏe, khám định kỳ hoặc sau mỗi lần học sinh đi khám chữa bệnh bao gồm đơn thuốc và kết quả xét nghiệm.

2.2. Khám sức khỏe định kỳ và tư vấn dinh dưỡng cho học sinh

- Khám, kiểm tra sức khỏe cho trẻ em, học sinh bao gồm đo chiều cao, cân nặng, huyết áp, nhịp tim, thị lực,... phát hiện các trường hợp suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, bệnh tim mạch, bệnh về mắt, bệnh răng miệng, bệnh xương khớp, rối loạn sức khỏe tâm thần của trẻ em, học sinh. Khám phát hiện các dấu hiệu nghi ngờ khuyết tật cho trẻ em dưới 6 tuổi để tư vấn, xử trí hoặc điều trị thích hợp theo quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT.
- Tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh: cung cấp thông tin, hướng dẫn cho học sinh và cha mẹ hoặc người giám hộ cách chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng trong mỗi lần khám sức khỏe định kỳ theo Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng. Trong đó:
 - + Đối với trẻ em dưới 6 tuổi: Tư vấn theo nội dung phù hợp với độ tuổi của trẻ em trong phần Hướng dẫn khám sức khỏe trẻ em định kỳ quy định tại Hướng dẫn quốc gia về sức khỏe sinh sản.
 - + Đối với học sinh từ 7 tuổi đến dưới 18 tuổi: Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh tật học đường; tư vấn, hướng dẫn cách chăm sóc sức khỏe sinh sản theo nội dung trong phần Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên quy định tại Hướng dẫn quốc gia về sức khỏe sinh sản; tư vấn chế độ dinh dưỡng cân bằng, hợp lý theo hướng dẫn hiện hành của Viện Dinh dưỡng. Các mối nguy gây ô nhiễm thực phẩm và ngộ độc thực phẩm thường gặp tại trường học.

3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN**3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

- Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ngành liên quan trong việc tổ chức và phối hợp triển khai thực hiện; hàng năm phê duyệt kế hoạch của tỉnh về việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng.
- Căn cứ tình hình thực tiễn để chủ động bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của địa phương, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện kế hoạch đã phê duyệt hàng năm.

3.2. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch hàng năm về lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh.
- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các cơ sở y tế trên địa bàn triển khai thực hiện.
- Phân công một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của tỉnh, thành phố làm đầu mối giúp Sở Y tế tổ chức hướng dẫn triển khai.
- Thực hiện thống kê, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3.3. Phòng Giáo dục và đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với ngành Y tế địa phương tham mưu với Ủy ban nhân dân các cấp trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh.
- Đôn đốc, giám sát và thanh tra, kiểm tra các trường học trong việc thực hiện các nội dung trên.
- Phối hợp với ngành Y tế trong công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên y tế trường học.

- Phối hợp với ngành Y tế địa phương hàng năm tiến hành tổng kết, đánh giá công tác quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh.
- Thực hiện việc thống kê, báo cáo kết quả hoạt động theo quy định.

3.4. Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã

- Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ cho học sinh trong cơ sở giáo dục; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh theo phân cấp.
- Phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công tác y tế trường học; hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên y tế trường học trong công tác quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh.
- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc lập và quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh tại trường học theo phân cấp.
- Điều phối nhân lực hỗ trợ Trạm y tế xã, phường, thị trấn trong việc khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho học sinh.
- Thực hiện thống kê, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3.4. Trạm y tế xã, phường, thị trấn

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong việc lập kế hoạch và chỉ đạo tổ chức thực hiện các quy định.
- Phối hợp nhân viên y tế trong cơ sở giáo dục lập kế hoạch hàng năm, tổ chức lập Hồ sơ theo dõi sức khỏe cho học sinh; khám sức khỏe định kỳ; tư vấn sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ em, học sinh; thống kê báo cáo theo quy định của pháp luật.

3.5. Cơ sở giáo dục

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý sức khỏe học sinh tại trường.
- Kiện toàn Ban chăm sóc sức khỏe học sinh.
- Bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc cho nhân viên y tế trường học thực hiện nhiệm vụ.

- Trong trường hợp có quy hoạch, xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa trường học, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng học tập, đồ chơi trẻ em, thuốc, trang thiết bị y tế phải thực hiện hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.
- Chỉ đạo thực hiện việc thống kê, báo cáo kết quả hoạt động y tế trường học theo quy định.

3.6. Nhân viên y tế trong các cơ sở giáo dục

- Lập hồ sơ sức khỏe ban đầu cho học sinh đối với học sinh đầu cấp học, bổ sung hoàn thiện hàng năm sau khi kiểm tra, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh.
- Vào mỗi đầu kỳ học, nhân viên y tế trường học tổ chức cân, đo cho học sinh (có thể lồng ghép trong ngày khám sức khỏe định kỳ cho học sinh), nhập chiều cao, cân nặng của học sinh và các tình trạng sức khỏe khác.
- Trong năm học, khi một học sinh có diễn biến sức khỏe bất thường, nhân viên y tế học đường cập nhật tình trạng sức khỏe học sinh sau đi khám chữa bệnh bao gồm: đơn thuốc, kết quả xét nghiệm, phim X quang,...
- Khi phát hiện bệnh tật, các nguy cơ về bệnh tật, nhân viên y tế trường học thông báo cho gia đình học sinh, phối hợp gia đình và cơ sở y tế để tư vấn, xử trí hoặc điều trị thích hợp.
- Thực hiện tổng hợp báo cáo sức khỏe học sinh theo quy định.

BÀI 3

LẬP KẾ HOẠCH Y TẾ TRƯỜNG HỌC



Mục tiêu bài học:

Sau khi kết thúc bài học, người học có khả năng:

1. Trình bày được các nội dung cần có trong kế hoạch y tế trường học theo quy định hiện hành.
2. Lập kế hoạch y tế trường học phù hợp với yêu cầu thực tế và quy định hiện hành.

1

CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ LẬP KẾ HOẠCH

1.1. Thành lập/kiện toàn Ban chăm sóc sức khỏe học sinh

- Các trường cần thành lập Ban CSSKHS, Trưởng ban là đại diện Ban giám hiệu, Phó trưởng ban là Trạm trưởng Trạm Y tế xã, ủy viên thường trực là nhân viên y tế trường học, các ủy viên khác là giáo viên giáo dục thể chất, Tổng phụ trách Đội (đối với cơ sở giáo dục tiểu học và trung học cơ sở), đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ trường học, Ban đại diện cha mẹ học sinh.
- Có nhiệm vụ chung của Ban và phân công trách nhiệm các thành viên trong ban CSSKHS.
- Định kỳ tổ chức họp Ban chăm sóc sức khỏe và đề ra nhiệm vụ cụ thể cho từng học kỳ (tối thiểu 1 lần/học kỳ).

1.2. Kế hoạch hoạt động và kinh phí cho công tác YTTH hàng năm

- Hàng năm nhà trường phải xây dựng kế hoạch hoạt động YTTH theo

năm học được phê duyệt. Phương pháp xây dựng kế hoạch được chi tiết trong phần sau. Nhà trường phải phân bổ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ YTTH trong năm.

- Bên cạnh đó nhà trường có thể dự trù kinh phí theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều về điều của Luật BHYT và Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP, trong đó có cho học sinh quy định về mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng học sinh. Nếu đủ một số điều kiện về cơ sở vật chất và NVYT, BHYT sẽ chi trả một số mục chi như: Chi mua thuốc, vật tư y tế phục vụ sơ cấp cứu, xử trí ban đầu cho trẻ em, học sinh, sinh viên; Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị y tế thông thường phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, tủ tài liệu quản lý hồ sơ sức khỏe tại cơ sở giáo dục; Chi mua văn phòng phẩm phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.

2

CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN XEM XÉT ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Các nội dung sau đây mô tả chi tiết kế hoạch y tế trường học. Tuy việc lập kế hoạch YTTH là nhiệm vụ của Ban CSSK học sinh, nhưng NVYTTH có trách nhiệm tham mưu, tư vấn, thực hiện các nội dung liên quan đến YTTH/lập kế hoạch YTTH. Do vậy, NVYTTH cần nắm được các nội dung cơ bản của kế hoạch YTTH theo quy định hiện hành.

2.1. Điều kiện về cơ sở vật chất (phòng học, bàn ghế, bảng, ánh sáng, phòng ngủ, đồ chơi)

» *Phòng học*

- Yêu cầu về thiết kế phòng học:
 - + Cơ sở giáo dục mầm non: TCVN 3907: 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHHCN ngày 23/8/2011 (gọi tắt là Quyết định số 2585/QĐ-BKHHCN)
 - + Trường tiểu học, lớp tiểu học: TCVN 8793: 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHHCN.
 - + Trường THCS; THPT: TCVN 8794: 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHHCN.

» *Bàn ghế*

- Yêu cầu về kích thước bàn ghế:
 - + Cơ sở giáo dục mầm non: TCVN 1993, Bàn ghế học sinh mẫu giáo - Yêu cầu chung.
 - + Trường tiểu học, THCS, THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt: TTLT số 26/2011/TTLT- BGDĐT- BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường THCS, THPT.

» **Bảng học**

- Về kích thước: Rộng (1,2m - 1,5m), dài (2,0m - 3,2m); Chiều dài bảng không nên dài hơn bục giảng để đảm bảo an toàn.
- Bảng chống lóa; màu xanh lá cây hoặc màu đen (phần trắng), màu trắng (viết bút dạ);
- Cách treo: Bảng treo ở giữa tường, mép dưới bảng cách nền phòng học từ 0,65m - 0,8m đối với trường TH; từ 0,8m - 1,0m đối với trường THCS, THPT; khoảng cách tới mép bàn học sinh đầu tiên $\geq 1,8\text{m}$.

» **Bục giảng**» **Chiếu sáng**

- Yêu cầu về thiết kế
 - + Cơ sở giáo dục mầm non: Mục 6.2 TCVN 3907:2011 (Quyết định số 2585/QĐ-BKHCHN).
 - + Trường tiểu học: Mục 6.2 TCVN 8793:2011 (Quyết định số 2585/QĐ-BKHCHN).
 - + Trường THCS & THPT: Mục 6.2 TCVN 8794:2011 (Quyết định số 2585/QĐ-BKHCHN).
 - + Đồ chơi: Đồ chơi cho trẻ em: Thông tư số 16/2011/TT-BGDĐT ngày 13/4/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc trang bị, quản lý, sử dụng đồ chơi trẻ em trong nhà trường.

2.2. Bảo đảm các điều kiện nước uống, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường

» **Nước uống và nước sinh hoạt**

- Các trường học sử dụng nguồn nước từ các cơ sở đủ điều kiện vệ sinh
- Nước uống cho học sinh, tối thiểu 0,5l (mùa hè), 0,3l (mùa đông)/HS/buổi học.
- Nước sinh hoạt tối thiểu 4 lít/HS/buổi học; mỗi vòi sử dụng tối đa cho 200 học sinh trong một buổi học.
- Trường học có học sinh nội trú cung cấp đủ nước ăn uống và sinh hoạt, tối thiểu 100 lít cho một học sinh/24 giờ.
- Trường hợp trường học tự cung cấp nguồn nước: Cần đảm bảo theo các quy định về tiêu chuẩn hiện hành.

» **Công trình vệ sinh**

- Về thiết kế:
 - + Đối với cơ sở giáo dục mầm non: Yêu cầu thiết kế áp dụng theo tiêu chuẩn quy định tại mục 5.2.7 và mục 5.5.8 của Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3907:2011) ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN;
 - + Đối với trường tiểu học; lớp tiểu học trong trường phổ thông có nhiều cấp học và trong trường chuyên biệt: Yêu cầu thiết kế áp dụng theo tiêu chuẩn quy định tại mục 5.6.1, mục 5.6.2 và mục 5.6.3 của Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 8793:2011) ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN;
 - + Đối với trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; lớp trung học cơ sở, lớp trung học phổ thông trong trường phổ thông có nhiều cấp học và trong trường chuyên biệt: Yêu cầu thiết kế áp dụng theo quy định tại mục 5.6 của Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 8794:2011) ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN.
- Về điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh nhà tiêu: Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01:2011/BYT) theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh;
- Về điều kiện rửa tay: Trường học phải có chỗ rửa tay với nước sạch, xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn khác.

» **Thu gom và xử lý chất thải**

- Trường học phải có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, phòng y tế, nhà bếp, khu vệ sinh, khu nuôi động vật thí nghiệm;
- Các trường học hợp đồng với các cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt.

Trường hợp trường học tự thu gom, xử lý thì phải bảo đảm theo quy định tại khoản 4, mục VII, phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 07:2010/BYT) vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 46/2010/

TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2.3. Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm

Việc lựa chọn các hình thức hoạt động của bếp ăn trong nhà trường cần phải được thực hiện dựa trên các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm được quy định tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế và Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học. Nội dung này được trình bày chi tiết trong *Học phần 3 - Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm*.

- Trường học có bếp ăn nội trú, bán trú:
 - + Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
 - + Các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế về bảo đảm an toàn thực phẩm.
- Trường học không có bếp ăn: Ký hợp đồng với các cơ sở có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2.4. Bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng

» *Bảo đảm các điều kiện về chăm sóc sức khỏe cho học sinh*

- Phòng Y tế:
 - + Bố trí phòng Y tế riêng, đảm bảo diện tích, ở vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu và chăm sóc sức khỏe học sinh.
 - + Cơ sở thuốc, trang thiết bị y tế: Theo Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế học đường của các trường TH, THCS, THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học.

- + Sổ sách, biểu mẫu: Có sổ khám bệnh theo mẫu A1/YTCS quy định tại Thông tư số 27/2014/TT-BYT ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hệ thống biểu mẫu thống kê y tế áp dụng đối với các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện, xã.
- Nhân viên y tế trường học đảm bảo các yêu cầu (Xem chi tiết trong bài 1).

2.5. Quản lý sức khỏe học sinh phù hợp với từng cấp học

Theo các tiêu chí đánh giá trong mẫu đánh giá công tác YTTH (Phụ lục 3 TTLT số 13/2016/BYT-BGDĐT), công tác quản lý sức khỏe học sinh cần thực hiện theo các quy định sau:

- Kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho học sinh phù hợp với từng cấp học.
- Lập sổ theo dõi sức khỏe học sinh cho từng học sinh (Theo Mẫu 1 - Phụ lục 1 TTLT số 13/2016/BYT-BGDĐT).
- Theo dõi sức khỏe học sinh kịp thời phát hiện các vấn đề sức khỏe đặc thù theo các lứa tuổi.
- Phối hợp với các cơ sở y tế đủ điều kiện khám tổ chức khám điều trị theo chuyên khoa.
- Thực hiện sơ cứu, cấp cứu (nếu có) theo quy định của Bộ Y tế.
- Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh tật, phát triển thể chất và tinh thần của học sinh.
- Hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý.
- Phối hợp với cơ sở y tế địa phương trong việc tổ chức các chiến dịch tiêm chủng, uống vắc xin phòng bệnh.
- Thông báo định kỳ tối thiểu 01 lần/năm học và khi cần thiết về tình hình sức khỏe của học sinh cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh.
- Lập và ghi chép đầy đủ vào sổ khám bệnh, sổ theo dõi sức khỏe học sinh, sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh.
- Kiểm tra, giám sát các điều kiện học tập, vệ sinh trường lớp, an toàn thực phẩm, cung cấp nước uống, xà phòng rửa tay.

2.6. Hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe

Truyền thông, giáo dục sức khỏe phù hợp: Tùy từng lứa tuổi, cấp học khác nhau học sinh có các vấn đề sức khỏe thể chất, tinh thần khác nhau để có truyền thông cho phù hợp. Cần có kế hoạch in ấn tài liệu truyền thông. Truyền thông nâng cao kiến thức, thái độ cho học sinh về các yếu tố nguy cơ sức khỏe (sức khỏe thể chất và tinh thần); các biện pháp dự phòng và cải thiện sức khỏe cho học sinh... Lưu ý trong kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh cần có thực hành thay đổi hành vi, không truyền thông lý thuyết đơn thuần.

2.7. Thống kê báo cáo và đánh giá công tác y tế trường học

2.7.1. Thống kê báo cáo

Hàng năm các trường phải thực hiện báo cáo công tác y tế trường học khi kết thúc năm học theo quy định. Người làm công tác YTTH có trách nhiệm thực hiện công tác báo cáo công tác YTTH theo mẫu Phụ lục 2 của Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 quy định công tác y tế trường học của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các nội dung (1) Thông tin chung (2) Hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học sinh (3) Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe (4) Bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe (5) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định (6) Bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng.

2.7.2. Đánh giá công tác y tế trường học

Hàng năm cơ quan quản lý giáo dục sẽ chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá việc thực hiện công tác YTTH tại các Trường theo mẫu Phụ lục 3 (Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT). Nội dung đánh giá gồm 9 nội dung sau:

1. Công tác tổ chức và kế hoạch
2. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất
3. Bảo đảm các điều kiện về cấp thoát nước và vệ sinh môi trường

4. Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm
5. Bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng.
6. Bảo đảm các điều kiện về chăm sóc sức khỏe cho học sinh.
7. Quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe học sinh.
8. Hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe.
9. Thống kê báo cáo và đánh giá.

2.7.3. Tổng hợp một số mẫu thực hiện, báo cáo và đánh giá công tác y tế trường học (theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT)

Mẫu 01. Sổ theo dõi sức khỏe học sinh (Phụ lục 1 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT)

- + Sổ dành cho trẻ từ 3 tháng tuổi đến < 6 tuổi)
- + Sổ dành cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5
- + Sổ dành cho học sinh từ lớp 6 đến lớp 9
- + Sổ dành cho học sinh từ lớp 10 đến lớp 12
- + Sổ khám bệnh

Mẫu 02. Sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh (Phụ lục 1 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT)

Mẫu 03. Mẫu báo cáo công tác y tế trường học (Phụ lục 2 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT)

Mẫu 04. Mẫu đánh giá công tác YTTH áp dụng cho cơ sở GDMN (Phụ lục 3 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT)

Mẫu 05. Mẫu đánh giá công tác YTTH áp dụng cho cơ sở GDPT (Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT).

Các biểu mẫu này được trình bày trong Phụ lục của bài 2 trong tài liệu này.

3

PHƯƠNG PHÁP LẬP KẾ HOẠCH Y TẾ TRƯỜNG HỌC

3.1. Khái niệm

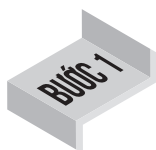
Lập kế hoạch y tế trường học là nêu ra các công việc cần phải thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định, theo một trình tự, với các nguồn lực dự kiến cụ thể để đạt được những mục tiêu về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe học sinh.

Kế hoạch y tế trường học thường được xây dựng cho một năm.

3.2. Yêu cầu nội dung kế hoạch y tế hàng năm

- Đáp ứng cao nhất nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại trường học
- Dựa trên các quy định hành chính hiện hành, quy chế chuyên môn
- Hiệu quả sử dụng nguồn lực: trang thiết bị, chi phí, đầu tư
- Giải pháp được nhà trường và cộng đồng chấp nhận.
- Đảm bảo tính khả thi

3.3. Các bước lập kế hoạch



Phân tích tình hình, xác định vấn đề tồn tại và vấn đề ưu tiên tại trường học

» *Thu thập thông tin để đánh giá tình hình*

Thu thập thông tin đóng vai trò rất quan trọng trong quản lý và lập kế hoạch. Thông tin lập kế hoạch dựa vào kết quả báo cáo và đánh giá hàng năm. Dựa vào kế hoạch chiến lược YTTH tại địa phương hoặc kế hoạch của Trường. Để có thể trả lời được câu hỏi đó chính xác, cần phải xác định rõ những thông tin cần thu thập, biết các phương pháp và các nguồn thu thập thông tin, để đảm bảo thu thập đúng và đủ các thông tin cần thiết. Bên cạnh đó, phải biết phân tích thông tin để có thể chuyển đổi các số liệu thô thành

các số liệu cần, phải trình bày các thông tin thu thập được một cách rõ ràng, dễ hiểu và báo cáo các thông tin thu thập được nếu cần thiết.

» **Xác định vấn đề ưu tiên**

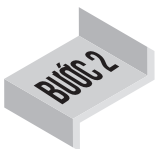
Sau khi thu thập thông tin cần thiết và phân tích tình hình, người lập kế hoạch có thể phát hiện ra rất nhiều vấn đề cần giải quyết. Tuy nhiên không thể tiến hành giải quyết tất cả những vấn đề được phát hiện ngay lập tức và cùng một lúc được. Vậy để sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả, nên cân nhắc vấn đề nào cần giải quyết trước, vấn đề nào cần giải quyết sau bằng cách áp dụng các phương pháp khoa học để xác định ưu tiên.

» **Phân tích vấn đề**

Phân tích vấn đề là một bước rất quan trọng tiếp theo các bước trên. Mục tiêu của phân tích vấn đề là tìm ra các nguyên nhân gốc rễ, nguyên nhân trực tiếp, nguyên nhân gián tiếp, nguyên nhân có thể can thiệp được, nguyên nhân không thể can thiệp được để căn cứ vào đó có thể có các giải pháp thích hợp.

Khi tiến hành phân tích, câu hỏi đặt ra là công tác y tế trường học hiện nay ra sao? Cơ sở để tiến hành phân tích là nội dung của hoạt động y tế trường học.

- Vấn đề quản lý và chăm sóc sức khỏe học sinh.
- Vấn đề truyền thông, giáo dục sức khỏe.
- Vấn đề vệ sinh trường học.
- Vấn đề phòng chống bệnh tật.
- Khả năng đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho từng nội dung hoạt động.



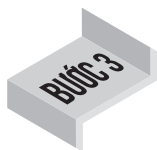
Xây dựng mục tiêu

Sau khi đã xác định được những vấn đề tồn tại của hoạt động y tế tại trường, người lập kế hoạch cần xác định những vấn đề đó có thể giảm đi hoặc giải quyết được đến mức độ nào.

Xác định mục tiêu không chỉ cần thiết cho việc lập kế hoạch mà còn giúp đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Để có được một mục tiêu tốt thì trước hết mục tiêu đó phải được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng và tin cậy. Mục tiêu đó cũng phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn như có đối tượng, hoạt động rõ ràng, cụ thể, có thời gian, địa điểm, phải phù hợp, khả thi và đo lường được.

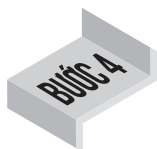
Căn cứ vào kết quả phân tích tình hình hoạt động y tế của trường, các vấn đề tồn tại và nguyên nhân của nó, những vấn đề được ưu tiên giải quyết và nguồn lực sẵn có (con người, cơ sở vật chất, kinh phí, thời gian), chỉ tiêu do cấp trên giao để xây dựng mục tiêu cho phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Yêu cầu của mục tiêu là phải cụ thể, đo lường được, thiết thực, khả thi.



Chọn giải pháp

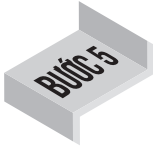
Sau khi biết được các nguyên nhân của những tồn tại trong công tác y tế trường học ở trường và xác định được mục tiêu cần đạt, người lập kế hoạch cần tìm cách giải quyết các nguyên nhân đó. Cách giải quyết các vấn đề đó được gọi là các giải pháp và được thực hiện thông qua các phương pháp thực hiện cụ thể. Để thực hiện được một giải pháp thì có thể có một hoặc nhiều phương pháp thực hiện khác nhau. Sau khi lựa chọn các giải pháp và phương pháp thực hiện, tiến hành phân tích khó khăn - thuận lợi của các phương pháp thực hiện lựa chọn để lường trước những khó khăn và tận dụng được những thuận lợi, xây dựng được kế hoạch hành động phù hợp nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Mỗi vấn đề ưu tiên được giải quyết bằng một hoặc nhiều giải pháp.



Đưa ra nội dung hoạt động và sắp xếp nguồn lực theo thời gian

Sau khi quyết định lựa chọn những giải pháp/phương pháp thực hiện cụ thể, người lập kế hoạch cần xây dựng kế hoạch hành động để đạt được

các mục tiêu, giải quyết được các nguyên nhân của những tồn tại. Trước khi lập kế hoạch cần lưu ý xem xét, cân bằng giữa khả năng và nhu cầu, dự tính xem những nguồn lực hiện có và những nguồn lực có thể huy động được (nhân lực, vật lực, tài lực, thời gian v.v...), những khó khăn, thuận lợi hiện tại và tương lai để xây dựng được kế hoạch hành động phù hợp.



Bảo vệ kế hoạch, chuẩn bị triển khai và điều chỉnh kế hoạch

Bản kế hoạch y tế trường học sau khi xây dựng xong phải được người có thẩm quyền phê duyệt (hiệu trưởng nhà trường). Bản kế hoạch đã được phê duyệt là căn cứ để triển khai trong suốt năm học.

Mẫu kế hoạch YTTH hoàn chỉnh được trình bày trong phụ lục 7 của tài liệu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Võ Kỳ Anh (2012), *Cẩm nang Y tế học đường*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Thông tư 16/2011/TT-BGDĐT* ngày 13/4/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc trang bị, quản lý, sử dụng đồ chơi trẻ em trong nhà trường, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế (2011), *Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT- BGDĐT- BKHCN-BYT* ngày 16/6/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường THCS, THPT, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Thông tư số 23/2017/TT-BYT* ngày 15/5/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em, tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT* ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trường phổ thông, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT* ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT* ngày 31/12/2021 của Bộ giáo dục đào tạo quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Quyết định số 4501/QĐ-BGD-ĐT* ngày 29/11/2021 của Bộ giáo dục và đào tạo Ban hành chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, học sinh giai đoạn 2021-2025, Hà Nội.
9. Bộ Khoa học và Công nghệ (2011), *Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN* về việc công bố 3 tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế đối với trường mầm non, tiểu học và trung học, Hà Nội.

10. Bộ Y tế (2008), *Quyết định 1221/QĐ-BYT* ngày 07/04/2008 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế học đường của các trường TH, THCS, THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học, Hà Nội.
11. Bộ Y tế (2009), *Kỹ thuật Y tế trường học, tài liệu tập huấn lớp nâng cao. Bộ Y tế - Dự án ADB*, Hà Nội.
12. Bộ Y tế (2010), *Thông tư số 46/2010/TT-BYT* ngày 29/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Hà Nội.
13. Bộ Y tế (2011), *Thông tư số 27/2011/TT-BYT* ngày 24/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh, Hà Nội.
14. Bộ Y tế (2012), *Kỹ thuật Y tế trường học*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
15. Bộ Y tế (2014), *Thông tư số 27/2014/TT-BYT* ngày 14/08/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hệ thống biểu mẫu thống kê y tế áp dụng đối với các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện, xã (sổ khám bệnh mẫu A1/YTCS), Hà Nội.
16. Bộ Y tế (2014), *Quyết định số 4944/QĐ-BYT* ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, Hà Nội.
17. Bộ Y tế (2016), *Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT* của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học, Hà Nội.
18. Bộ Y tế (2017), *Thông tư số 23/2017/TT-BYT* ngày 15/05/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em, Hà Nội.
19. Bộ Y tế (2020), *Thông tư số 30/2020/TT-BYT* quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của theo Nghị định 146/2018/NĐ-CP, Hà Nội.
20. Bộ Y tế (2023), *Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT* hướng dẫn nội dung, biện pháp, kiểm tra, đánh giá xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Hà Nội.

21. Chính phủ (2018), *Nghị định số 146/2018/NĐ-CP* ngày 17/10/2018 Hướng dẫn về điều luật BHYT, Hà Nội.
22. Chính phủ (2018), *Nghị định số 155/2018/NĐ-CP* ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Hà Nội.
23. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1660/QĐ-TTg* ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025, Hà Nội.
24. Trần Văn Dân, Nguyễn Đức Trọng (2011), *Sức khỏe trường học*, Hà Nội.
25. Nguyễn Thuý Quỳnh, Nguyễn Thị Liên Hương (2018), *Tài liệu đào tạo Y tế trường học*, Nhà xuất bản Lao động Xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC 1

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON (3 tháng - 6 tuổi)

Bìa sổ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH

Họ và tên (chữ in hoa) Nam Nữ

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Trường

Xã/phường/huyện/quận

Tỉnh/thành phố

(Sổ này được sử dụng trong suốt cấp học, khi học sinh chuyển trường phải mang theo để tiếp tục được theo dõi sức khỏe)

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG

(Phần này do cha, mẹ học sinh tự điền)

1. Họ và tên học sinh (chữ in hoa) Nam Nữ

2. Ngày tháng năm sinh:/...../.....

3. Họ và tên bố hoặc người giám hộ:

Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc

Chỗ ở hiện tại:

4. Họ và tên mẹ hoặc người giám hộ:

Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc

Chỗ ở hiện tại:

5. Con thứ mấy: Tổng số con trong gia đình:

6. Tiền sử sức khỏe bản thân:

a) Sản khoa:

- Bình thường

- Không bình thường: Đề thiếu tháng Đề thừa tháng Đề có can thiệp Đề ngạt

- Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (nếu có cần ghi rõ tên bệnh:

.....

b) Tiền sử bệnh/tật: Hen Động kinh Dị ứng Tim bẩm sinh

c) Tiêm chủng:

STT	Loại vắc xin	Tình trạng tiêm/ uống vắc xin		
		Có	Không	Không nhớ rõ
1	BCG			
2	Bạch hầu, ho gà, uốn ván			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
3	Bại liệt			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			

4	Viêm gan B			
	Sơ sinh			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
5	Sởi			
6	Viêm não Nhật Bản B			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
7			

d) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng:

7. Thay đổi địa chỉ chỗ ở hoặc số điện thoại (nếu có)

.....

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

(Phần này dành cho học sinh < 24 tháng tuổi)

PHẦN 2 - THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực (mỗi tháng/lần)

LỚP NĂM HỌC

Tháng/..... <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng/..... <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng/..... <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng/..... <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng/..... <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng/..... <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng/..... <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng/..... <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng/..... <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng/..... <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Đánh giá tình trạng DD: - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/>		Đánh giá tình trạng DD: - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/>	

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

(Phần này dành cho học sinh ≥ 24 tháng tuổi đến <36 tháng tuổi)**PHẦN 2 - THEO DÕI SỨC KHỎE**

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực (Lần I - đầu năm học, Lần II - giữa năm học, Lần III - cuối năm học)

LỚP NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học</i> <i>(NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/>
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/>
Lần III <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/>

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

(Phần này dành cho học sinh ≥ 36 tháng tuổi đến <6 tuổi)

PHẦN 2 - THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực (Lần I - đầu năm học, Lần II - giữa năm học, Lần III - cuối năm học)

LỚP NĂM HỌC

<p>Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/> Huyết áp: Tâm trươngmgHg; Tâm thumgHg Nhịp tim:lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải: .../10 Mắt trái: .../10 Có kính: Mắt phải: .../10 Mắt trái: .../10</p>
<p>Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/></p>
<p>Lần III <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/></p>

LỚP NĂM HỌC

<p>Lần I</p> <p><i>Nhân viên y tế trường học</i></p> <p><i>(NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; <p>Tình trạng dinh dưỡng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/> <p>Huyết áp: Tâm trươngmgHg; Tâm thumgHg</p> <p>Nhịp tim:lần/phút</p> <p>Thị lực: Không kính: Mắt phải: .../10 Mắt trái: .../10 Có kính: Mắt phải: .../10 Mắt trái: .../10</p>
<p>Lần II</p> <p><i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; <p>Tình trạng dinh dưỡng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/>
<p>Lần III</p> <p><i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; <p>Tình trạng dinh dưỡng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/>

LỚP NĂM HỌC

<p>Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg;</p> <p>Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/></p> <p>Huyết áp: Tâm trươngmgHg; Tâm thumgHg Nhịp tim:lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải: .../10 Mắt trái: .../10 Có kính: Mắt phải: .../10 Mắt trái: .../10</p>
<p>Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg;</p> <p>Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/></p>
<p>Lần III <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg;</p> <p>Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường <input type="checkbox"/> - Suy DD <input type="checkbox"/> - Thừa cân béo phì <input type="checkbox"/></p>

PHẦN 3 - KHÁM SỨC KHỎE THEO CHUYÊN KHOA

(Do y, bác sĩ ghi chép khi khám chuyên khoa)

<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Nhi khoa</p> <p>a) Tuần hoàn</p> <p>.....</p> <p>b) Hô hấp:</p> <p>.....</p> <p>c) Tiêu hóa</p> <p>.....</p> <p>d) Thận-Tiết niệu</p> <p>.....</p> <p>đ) Thần kinh-Tâm thần</p> <p>.....</p> <p>e) Khám lâm sàng khác</p> <p>.....</p>
<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Mắt</p> <p>a) Kết quả khám thị lực: - Không kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 - Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10</p> <p>b) Các bệnh về mắt (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Tai - Mũi - Họng</p> <p>a) Kết quả khám thính lực: - Tai trái: Nói thường:m; Nói thầm:m - Tai phải: Nói thường:m; Nói thầm:m</p> <p>b) Các bệnh về Tai - Mũi - Họng (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Răng - Hàm - Mặt</p> <p>a) Kết quả khám:</p> <p>- Hàm trên</p> <p>.....</p> <p>- Hàm dưới</p> <p>.....</p> <p>b) Các bệnh về Răng - Hàm - Mặt (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Cơ xương khớp</p> <p>a) Kết quả khám</p> <p>- Bình thường <input type="checkbox"/></p> <p>- Cong cột sống: Gù <input type="checkbox"/> ưỡn <input type="checkbox"/></p> <p>- Vẹo cột sống: Hình chữ S <input type="checkbox"/> Hình chữ C <input type="checkbox"/></p> <p>b) Các bệnh cơ xương khớp khác (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

PHỤ LỤC 2

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH TIỂU HỌC (Lớp 1 - Lớp 5)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 quy định công tác y tế trường học của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bìa sổ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH

Họ và tên (*chữ in hoa*) Nam Nữ

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Trường

Xã/phường/huyện/quận

Tỉnh/thành phố

Dành cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5

(Sổ này được sử dụng trong suốt cấp học, khi học sinh chuyển trường phải mang theo để tiếp tục được theo dõi sức khỏe)

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG
(Phần này do cha, mẹ học sinh tự điền)

1. Họ và tên học sinh (chữ in hoa) Nam Nữ
2. Ngày tháng năm sinh:/...../.....
3. Họ và tên bố hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
- Chỗ ở hiện tại:
4. Họ và tên mẹ hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
- Chỗ ở hiện tại:
5. Con thứ mấy: Tổng số con trong gia đình:
6. Tiền sử sức khỏe bản thân:
- a) Sản khoa:
- Bình thường
 - Không bình thường: Đẻ thiếu tháng Đẻ thừa tháng Đẻ có can thiệp Đẻ ngạt
 - Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (nếu có cần ghi rõ tên bệnh:
.....)
- b) Tiền sử bệnh/tật: Hen Động kinh Dị ứng Tim bẩm sinh
- c) Tiêm chủng:

STT	Loại vắc xin	Tình trạng tiêm/uống vắc xin		
		Có	Không	Không nhớ rõ
1	BCG			
2	Bạch hầu, ho gà, uốn ván			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
3	Bại liệt			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			

4	Viêm gan B			
	Sơ sinh			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
5	Sởi			
6	Viêm não Nhật Bản B			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
7			

d) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng:

7. Thay đổi địa chỉ chỗ ở hoặc số điện thoại (nếu có)

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

PHẦN 2 - THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực, huyết áp, nhịp tim, thị lực (Lần 1 - đầu năm học, Lần 2 - đầu học kỳ II)

LỚP 1..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 2..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 3..... NĂM HỌC

<p>Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10</p>
<p>Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m²)</p>

LỚP 4..... NĂM HỌC

<p>Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10</p>
<p>Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m²)</p>

LỚP 5..... NĂM HỌC

<p>Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10</p>
<p>Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i></p>	<p>Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m²)</p>

PHẦN 3 - KHÁM SỨC KHỎE THEO CHUYÊN KHOA

(Do y, bác sĩ ghi chép khi khám chuyên khoa)

<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Nhi khoa</p> <p>a) Tuần hoàn</p> <p>.....</p> <p>b) Hô hấp:</p> <p>.....</p> <p>c) Tiêu hóa</p> <p>.....</p> <p>d) Thận-Tiết niệu</p> <p>.....</p> <p>đ) Thần kinh-Tâm thần</p> <p>.....</p> <p>e) Khám lâm sàng khác</p> <p>.....</p>
<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Mắt</p> <p>a) Kết quả khám thị lực:</p> <p>- Không kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10</p> <p>- Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10</p> <p>b) Các bệnh về mắt (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Tai - Mũi - Họng</p> <p>a) Kết quả khám thính lực:</p> <p>- Tai trái: Nói thường:m; Nói thầm:m</p> <p>- Tai phải: Nói thường:m; Nói thầm:m</p> <p>b) Các bệnh về Tai - Mũi - Họng (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Răng - Hàm - Mặt</p> <p>a) Kết quả khám:</p> <p>- Hàm trên</p> <p>.....</p> <p>- Hàm dưới</p> <p>.....</p> <p>b) Các bệnh về Răng - Hàm - Mặt (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Cơ xương khớp</p> <p>a) Kết quả khám</p> <p>- Bình thường <input type="checkbox"/></p> <p>- Cong cột sống: Gù <input type="checkbox"/> ưỡn <input type="checkbox"/></p> <p>- Vẹo cột sống: Hình chữ S <input type="checkbox"/> Hình chữ C <input type="checkbox"/></p> <p>b) Các bệnh cơ xương khớp khác (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

PHỤ LỤC 3

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ (Lớp 6 - Lớp 9)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 quy định công tác y tế trường học của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bìa sổ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH

Họ và tên (*chữ in hoa*) Nam Nữ

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Trường

Xã/phường/huyện/quận

Tỉnh/thành phố

Dành cho học sinh từ lớp 6 đến lớp 9

(Sổ này được sử dụng trong suốt cấp học, khi học sinh chuyển trường phải mang theo để tiếp tục được theo dõi sức khỏe)

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG
(Phần này do cha, mẹ học sinh tự điền)

1. Họ và tên học sinh (chữ in hoa) Nam Nữ
2. Ngày tháng năm sinh:/...../.....
3. Họ và tên bố hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
- Chỗ ở hiện tại:
4. Họ và tên mẹ hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
- Chỗ ở hiện tại:
5. Con thứ mấy: Tổng số con trong gia đình:
6. Tiền sử sức khỏe bản thân:
- a) Sản khoa:
- Bình thường
- Không bình thường: Đẻ thiếu tháng Đẻ thừa tháng Đẻ có can thiệp Đẻ ngạt
- Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (nếu có cần ghi rõ tên bệnh:
.....)
- b) Tiền sử bệnh/tật: Hen Động kinh Dị ứng Tim bẩm sinh
- c) Tiêm chủng:

STT	Loại vắc xin	Tình trạng tiêm/uống vắc xin		
		Có	Không	Không nhớ rõ
1	BCG			
2	Bạch hầu, ho gà, uốn ván			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
3	Bại liệt			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			

4	Viêm gan B			
	Sơ sinh			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
5	Sởi			
6	Viêm não Nhật Bản B			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
7			

d) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng:

7. Thay đổi địa chỉ chỗ ở hoặc số điện thoại (nếu có)

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

PHẦN 2 - THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực, huyết áp, nhịp tim, thị lực (Lần 1 - đầu năm học, Lần 2 - đầu học kỳ II)

LỚP 6..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 7..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 8..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 9..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

PHẦN 3 - KHÁM SỨC KHỎE THEO CHUYÊN KHOA

(Do y, bác sĩ ghi chép khi khám chuyên khoa)

<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Nhi khoa</p> <p>a) Tuần hoàn</p> <p>.....</p> <p>b) Hô hấp:</p> <p>.....</p> <p>c) Tiêu hóa</p> <p>.....</p> <p>d) Thận-Tiết niệu</p> <p>.....</p> <p>đ) Thần kinh-Tâm thần</p> <p>.....</p> <p>e) Khám lâm sàng khác</p> <p>.....</p>
<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Mắt</p> <p>a) Kết quả khám thị lực: - Không kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 - Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10</p> <p>b) Các bệnh về mắt (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Tai - Mũi - Họng</p> <p>a) Kết quả khám thính lực: - Tai trái: Nói thường:m; Nói thầm:m - Tai phải: Nói thường:m; Nói thầm:m</p> <p>b) Các bệnh về Tai - Mũi - Họng (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Răng - Hàm - Mặt</p> <p>a) Kết quả khám:</p> <p>- Hàm trên</p> <p>.....</p> <p>- Hàm dưới</p> <p>.....</p> <p>b) Các bệnh về Răng - Hàm - Mặt (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Cơ xương khớp</p> <p>a) Kết quả khám</p> <p>- Bình thường <input type="checkbox"/></p> <p>- Cong cột sống: Gù <input type="checkbox"/> ưỡn <input type="checkbox"/></p> <p>- Vẹo cột sống: Hình chữ S <input type="checkbox"/> Hình chữ C <input type="checkbox"/></p> <p>b) Các bệnh cơ xương khớp khác (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

PHỤ LỤC 4

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (Lớp 10 - Lớp 12)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 quy định công tác y tế trường học của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bìa sổ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH

Họ và tên (*chữ in hoa*) Nam Nữ

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Trường

Xã/phường/huyện/quận

Tỉnh/thành phố

Dành cho học sinh từ lớp 10 đến lớp 12

(Sổ này được sử dụng trong suốt cấp học, khi học sinh chuyển trường phải mang theo để tiếp tục được theo dõi sức khỏe)

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG
(Phần này do cha, mẹ học sinh tự điền)

1. Họ và tên học sinh (chữ in hoa) Nam Nữ
2. Ngày tháng năm sinh:/...../.....
3. Họ và tên bố hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
- Chỗ ở hiện tại:
4. Họ và tên mẹ hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
- Chỗ ở hiện tại:
5. Con thứ mấy: Tổng số con trong gia đình:
6. Tiền sử sức khỏe bản thân:
- a) Sản khoa:
- Bình thường
 - Không bình thường: Đẻ thiếu tháng Đẻ thừa tháng Đẻ có can thiệp Đẻ ngạt
 - Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (nếu có cần ghi rõ tên bệnh:
.....)
- b) Tiền sử bệnh/tật: Hen Động kinh Dị ứng Tim bẩm sinh
- c) Tiêm chủng:

STT	Loại vắc xin	Tình trạng tiêm/uống vắc xin		
		Có	Không	Không nhớ rõ
1	BCG			
2	Bạch hầu, ho gà, uốn ván			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
3	Bại liệt			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			

4	Viêm gan B			
	Sơ sinh			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
5	Sởi			
6	Viêm não Nhật Bản B			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
7			

d) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng:

7. Thay đổi địa chỉ chỗ ở hoặc số điện thoại (nếu có)

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

PHẦN 2 - THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực, huyết áp, nhịp tim, thị lực (Lần 1 - đầu năm học, Lần 2 - đầu học kỳ II)

LỚP 10..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 11..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

PHẦN 3 - KHÁM SỨC KHỎE THEO CHUYÊN KHOA

(Do y, bác sĩ ghi chép khi khám chuyên khoa)

<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Nhi khoa</p> <p>a) Tuần hoàn</p> <p>.....</p> <p>b) Hô hấp:</p> <p>.....</p> <p>c) Tiêu hóa</p> <p>.....</p> <p>d) Thận-Tiết niệu</p> <p>.....</p> <p>đ) Thần kinh-Tâm thần</p> <p>.....</p> <p>e) Khám lâm sàng khác</p> <p>.....</p>
<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Mắt</p> <p>a) Kết quả khám thị lực: - Không kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 - Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10</p> <p>b) Các bệnh về mắt (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Tai - Mũi - Họng</p> <p>a) Kết quả khám thính lực: - Tai trái: Nói thường:m; Nói thầm:m - Tai phải: Nói thường:m; Nói thầm:m</p> <p>b) Các bệnh về Tai - Mũi - Họng (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Răng - Hàm - Mặt</p> <p>a) Kết quả khám:</p> <p>- Hàm trên</p> <p>.....</p> <p>- Hàm dưới</p> <p>.....</p> <p>b) Các bệnh về Răng - Hàm - Mặt (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Thời gian khám:/...../.....</p> <p>Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)</p>	<p>Cơ xương khớp</p> <p>a) Kết quả khám</p> <p>- Bình thường <input type="checkbox"/></p> <p>- Cong cột sống: Gù <input type="checkbox"/> ưỡn <input type="checkbox"/></p> <p>- Vẹo cột sống: Hình chữ S <input type="checkbox"/> Hình chữ C <input type="checkbox"/></p> <p>b) Các bệnh cơ xương khớp khác (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

PHỤ LỤC 5

SỔ THEO DÕI TỔNG HỢP TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE HỌC SINH

Bìa sổ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....

SỔ THEO DÕI TỔNG HỢP
TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE HỌC SINH

Trường:

Xã/phường/huyện/quận.....

Tỉnh/thành phố.....

PHỤ LỤC 7

MẪU KẾ HOẠCH Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Sở GD&ĐT tỉnh/thành phố.....	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Phòng GD&ĐT huyện/thị.....	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Trường.....	----- Ngàytháng.....năm.....

KẾ HOẠCH

I. Tình hình chung

1. Đặc điểm chung của trường
2. Tình hình sức khoẻ và nhu cầu chăm sóc sức khoẻ học sinh trong trường
3. Tình hình hoạt động y tế trong trường
4. Những thuận lợi, tồn tại cơ bản và vấn đề ưu tiên

II. Mục tiêu tổng thể và các chỉ tiêu kế hoạch

1. Mục tiêu
2. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản

III. Giải pháp và nội dung hoạt động

1. Các nhóm giải pháp lớn
2. Nội dung hoạt động
 - 2.1. Công tác sơ cấp cứu ban đầu tại trường
 - 2.2. Công tác khám sức khoẻ định kỳ và quản lý sức khoẻ học sinh
 - 2.2. Công tác phòng chống dịch bệnh và tăng cường sức khoẻ
 - 2.3. Công tác vệ sinh môi trường trong trường học
 - 2.4. Công tác giáo dục, truyền thông sức khoẻ
 - 2.5. Thực hiện các chương trình y tế trong trường học
 - 2.6. Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất
 - 2.7. Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm trong trường học

IV. Nguồn lực chủ yếu

V. Kế hoạch thực hiện từng giải pháp

Giải pháp 1:

Tên hoạt động	Thời gian		Địa điểm	Người thực hiện, phối hợp	Kinh phí	Vật tư, trang thiết bị YT	Dự kiến kết quả
	Bắt đầu	Kết thúc					
1.....							
2.....							
3.....							

Giải pháp 2:

Tên hoạt động	Thời gian		Địa điểm	Người thực hiện, phối hợp	Kinh phí	Vật tư, trang thiết bị YT	Dự kiến kết quả
	Bắt đầu	Kết thúc					
1.....							
2.....							
3.....							

VI. Những kiến nghị và đề xuất

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GD - TBT. Bùi Thị Lâm Ngọc

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:
PGĐ. Trương Văn Tuấn

Biên tập nội dung và sửa bản in:
Tạ Thị Lộc

Bộ Giáo dục và Đào tạo

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC
CHO NHÂN VIÊN Y TẾ TRƯỜNG HỌC**

**HỌC PHẦN 8
CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH**

In 990 cuốn, khổ 16.7x24 tại Công ty TNHH Thương mại - Quảng cáo và In Phú Sĩ.

Địa chỉ: A10 tập thể Khương Thượng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội.

Số ĐKXB: 4395 - 2023 / CXBIPH / 8 - 924 / ĐON, Cục Xuất bản, In và phát hành xác nhận ngày
08/12/2023.

Quyết định xuất bản số: 1460/QĐB-ĐON, do Nhà xuất bản Đồng Nai cấp ngày 06/12/2023.

Mã ISBN: 978-604-42-0146-7.

In xong, nộp lưu chiểu Quý IV, năm 2023.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

📍 Số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội

☎ (+84) 243 869 5144

🌐 <https://moet.gov.vn/>



Save the Children

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Save the Children - SC)

📍 Tầng 9, Tòa nhà Vietbank, số 72 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

☎ (+84) 243 573 5050

🌐 <https://vietnam.savethechildren.net/>

HỌC PHẦN 8



9 786044 201467